

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ XUYỀN  
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2025/DS-ST

Ngày: 13 – 3 – 2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN, TỈNH SÓC TRĂNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Cao Thanh Nhanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Hồng Phượng.

2. Bà Lưu Thị Hồng Thảo.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Mỹ Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2024, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần S.**

Địa chỉ: Đường D, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thanh T**, chức vụ: Nhân viên Công ty Cổ phần S; địa chỉ: Đường P, Phường X, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng, (đại diện uỷ quyền, theo Giấy uỷ quyền số 322/2024/UQ-SVN ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Công ty Cổ phần S); (Vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Lê Văn H.**

Địa chỉ: Đường Q, ấp X, thị trấn X, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 12 năm 2024 của nguyên đơn là Công ty Cổ phần S và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh T đều trình bày:

Vào ngày 24 tháng 8 năm 2024, ông Lê Văn H ký hợp đồng cầm cố tài sản với Chi nhánh X của Công ty tại địa chỉ đường N, ấp T, thị trấn X, huyện X, tỉnh Sóc Trăng, cụ thể là hợp đồng số MXM240802010NA19X, số đăng ký giao dịch đảm bảo trên hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục đăng ký Quốc Gia: Giaodichdambao/botuphap:.....theo web: <https://dktructuyen.moj.gov.vn/> thì ông Lê Văn H ký hợp đồng cầm cố tài sản là: 01 xe mô tô hai bánh BKS: 83P3-843.83; loại xe: Yamaha R15 màu đen; số khung: MH3RG4710JK081099 - số máy: G3J6E0150789; số giấy chứng minh đăng ký xe mô tô: 228138 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 02 tháng 01 năm 2019 để lấy số tiền là 25.691.489,36 đồng (Hai mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi một nghìn bốn trăm tám mươi chín phẩy ba mươi sáu đồng); thời hạn cầm cố là 24 tháng (từ ngày 24 tháng 8 năm 2024 đến ngày 24 tháng 8 năm 2026) với mức lãi suất là 1,1%/tháng.

Công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho ông Lê Văn H. Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty ký giấy cho ông H mượn lại xe sử dụng. Trong giấy mượn xe có quy định thời hạn mượn xe từ ngày 24 tháng 8 năm 2024 đến ngày 24 tháng 9 năm 2024; địa điểm trả xe là tại Chi nhánh X. Ông H có cam kết trong giấy mượn xe: “Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận”.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông H đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng và cũng không trả lại xe máy cho Công ty. Nhân viên Công ty nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà ông H nhưng đều không gặp.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Lê Văn H: Phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe đã ký với Chi nhánh T – thành phố T 1 – Công ty Cổ phần S số tiền 27.235.901 đồng (Hai mươi bảy triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm lẻ một đồng) tạm tính đến ngày 09 tháng 12 năm 2024 gồm: Gốc 23.904.292 VNĐ, lãi 262.947 VNĐ (1.1%/tháng), phí mượn xe: 1.387.340 VNĐ (5.4%/tháng), phí quản lý hồ sơ: 119.521 VNĐ (0.5%/tháng), phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 20.640 VNĐ, phí thanh lý trước hạn: 1.544.161 VNĐ. Ông H còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 09 tháng 12 năm 2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 10 tháng 3 năm 2025, ông Nguyễn Thanh T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Lê Văn H có nghĩa vụ trả tiền nợ tính đến ngày 13 tháng 3 năm 2025 tổng cộng là 25.113.849 đồng (Hai mươi lăm triệu một trăm mười ba nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng), trong đó gồm nợ gốc 23.904.292 đồng; lãi 1.209.557 đồng (1.1%/tháng), tính từ ngày 25 tháng 10 năm 2024 đến ngày 13 tháng 3 năm 2025; tiếp tục tính lãi theo hợp đồng cầm cố đã ký kết cho đến khi

thanh toán xong nợ; ông Nguyễn Thanh T rút lại các yêu cầu khởi kiện gồm phí mượn xe, phí quản lý hồ sơ, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán, phí thanh lý hợp đồng trước hạn.

2. Đối với bị đơn ông Lê Văn H: Ông Lê Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia tố tụng, lấy lời khai nhưng ông H đều vắng mặt không lý do, cũng không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ và văn bản ghi ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Tòa án cũng không lấy lời khai của ông H được.

### 3. Ý kiến của Kiểm sát viên:

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung thì cho rằng ông Nguyễn Thanh T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn H có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 13 tháng 3 năm 2025 tổng cộng là 25.113.849 đồng (Hai mươi lăm triệu một trăm mười ba nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng) là có căn cứ; do ông T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phí mượn xe, phí quản lý hồ sơ, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán, phí thanh lý hợp đồng trước hạn là trong phạm vi yêu cầu khởi kiện, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### [1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu ông Lê Văn H trả lại tiền vay; bị đơn ông Lê Văn H có nơi thường trú và nơi ở hiện tại là ấp X, thị trấn X, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Tại phiên tòa, ông Nguyễn Thanh T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ông Lê Văn H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt, ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt,

ông H vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt này không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Lê Văn H trả nợ với tổng số tiền tính đến ngày 24 tháng 8 năm 2024 là 27.235.901 đồng (Hai mươi bảy triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm lẻ một đồng), sau khi Toà án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử thì ông Nguyễn Thanh T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn gửi Toà án Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi ngày 10 tháng 3 năm 2025, nội dung đơn là ông T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện gồm: Phí mượn xe, phí quản lý hồ sơ, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán, phí thanh lý hợp đồng trước hạn. Do việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này là tự nguyện, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút gồm: Buộc ông Lê Văn H phải trả phí mượn xe: 1.387.340 đồng (5.4%/tháng), phí quản lý hồ sơ: 119.521 đồng (0.5%/tháng), phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 20.640 đồng, phí thanh lý trước hạn: 1.544.161 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ vay:

Ông Lê Văn H không có văn bản tường trình ý kiến, không cung cấp chứng cứ phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và Toà án cũng không lấy lời khai được.

Nay ông T người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Lê Văn H có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 13 tháng 3 năm 2025 tổng cộng là 25.113.849 đồng (Hai mươi lăm triệu một trăm mười ba nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc 23.904.292 đồng; lãi 1.209.557 đồng (1.1%/tháng), tính từ ngày 25 tháng 10 năm 2024 đến ngày 13 tháng 3 năm 2025; tiếp tục tính lãi theo hợp đồng cầm cố đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ, yêu cầu này được Hội đồng xét xử xem xét như sau:

Theo Hợp đồng cầm cố ngày 24 tháng 8 năm 2024 ghi nhận nội dung: Bên nhận cầm cố: Chi nhánh T – X – Công ty Cổ phần S, địa chỉ: ấp T, thị trấn X, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; bên cầm cố: Lê Văn H, ngày sinh 01 tháng 01 năm 1979, địa chỉ: ấp X, thị trấn X, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

- Tài sản cầm cố: Chiếc xe máy biển kiểm soát: 83P3-843.83, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy số: 228138, cấp ngày 02 tháng 01 năm 2019 tại Công an tỉnh Sóc Trăng

- Cho cầm cố số tiền là: 25,691,489.36 đồng; thời hạn cầm cố là 24 tháng, kể từ ngày 24 tháng 8 năm 2024 đến ngày 24 tháng 8 năm 2026; phương thức

nhận tiền: Chuyển khoản một lần qua số tài khoản: 106878053894, tên chủ tài khoản: Lê Văn H, Ngân hàng tại Viettinbank chi nhánh Sóc Trăng; lãi suất trong hạn: Lãi suất cố định 1.1%/tháng trên dự nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền; thời hạn thanh toán, là định kỳ vào ngày 24 hàng tháng (từ tháng 9 năm 2024 đến tháng 8 năm 2026) gồm gốc, lãi và phí với số tiền là 1,297,570.27 đồng.

- Thoả thuận lãi suất quá hạn và các khoản phí.

Theo nguyên đơn trình bày thì ông H thanh toán cho nguyên đơn được một phần tiền gốc, nay còn nợ 23.904.292 đồng cùng tiền lãi (1.1%/tháng), tính từ ngày 25 tháng 10 năm 2024 đến ngày 13 tháng 3 năm 2025 và các khoản phí khác, sau đó không thanh toán theo hợp đồng ký kết nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông H trả tiền còn nợ.

Việc giao kết hợp đồng do các bên tự nguyện, xuất phát từ nhu cầu vay vốn phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh của ông H và nhu cầu cho vay của nguyên đơn nên cần buộc các bên phải thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng đã giao kết. Theo hợp đồng có thỏa thuận thời hạn trả, nhưng ông H không trả đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lãi suất tính từ ngày 25 tháng 10 năm 2024 đến ngày 13 tháng 3 năm 2025 với số tiền 1.209.557 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Từ những phân tích nêu trên, thấy rằng yêu cầu của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Lê Văn H phải trả cho nguyên đơn số tiền vay tính đến ngày 13 tháng 3 năm 2025 tổng cộng 25.113.849 đồng (Hai mươi lăm triệu một trăm mười ba nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng), trong đó gồm nợ gốc 23.904.292 đồng và lãi 1.209.557 đồng (1.1%/tháng), tính từ ngày 25 tháng 10 năm 2024 đến nay là có cơ sở chấp nhận.

Đồng thời, căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì ông H còn phải chịu tiền lãi đối với tiền vốn cho đến khi trả xong nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Do đó, lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5.1] Do nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện và Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[5.2] Ông Lê Văn H có nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn, nên ông H

phải chịu án phí sơ thẩm như sau:  $25.113.849 \text{ đồng} \times 5\% = 1.255.692 \text{ đồng}$ .

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S, về việc yêu cầu bị đơn ông Lê Văn H trả tiền vay.

Buộc bị đơn ông Lê Văn H trả nợ cho Công ty Cổ phần S, số tiền nợ vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13 tháng 3 năm 2025) tổng cộng là 25.113.849 đồng (Hai mươi lăm triệu một trăm mười ba nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng), trong đó gồm:

- Nợ gốc: 23.904.292 đồng.

- Lãi 1.209.557 đồng (tính từ ngày 25 tháng 10 năm 2024 đến ngày 13 tháng 3 năm 2025).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức là ngày 13 tháng 3 năm 2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án là ông Lê Văn H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S, về việc buộc bị đơn ông Lê Văn H phải trả phí mượn xe: 1.387.340 đồng (5.4%/tháng), phí quản lý hồ sơ: 119.521 đồng (0.5%/tháng), phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 20.640 đồng, phí thanh lý trước hạn: 1.544.161 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Ông Lê Văn H phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 1.255.692 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn sáu trăm chín mươi hai đồng).

4.2. Trả lại cho Công ty Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 680.000 đồng (Sáu trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008353 ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Toà án tổng đạt bản án theo quy định của pháp luật.

6. Quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Cao Thanh Nhanh**